

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2025/DS-ST
Ngày: 09-9-2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Ông Võ Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Minh H, sinh năm 1994; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 07/8/2025; vắng mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần T1; địa chỉ: số I, khóm L, xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Long P, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; địa chỉ: số I A, ấp L, xã C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Minh H do bà Trần Thị Kim T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 01/01/2025 đến ngày 15/5/2025, ông H có bán số sắt phế liệu cho Công ty Cổ phần T1 (gọi tắt là Công ty) do ông Đặng Long P làm đại diện với tổng số tiền còn nợ 812.601.600 đồng. Ngày 15/5/2025, Công ty có trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 01/7/2025, Công ty có lập báo cáo chi tiết còn nợ ông H số tiền 802.601.600 đồng nhưng không thanh toán mà xin trả dần mỗi tháng từ 10.000.000 đồng do Công ty mất khả năng thanh toán. Từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay, Công ty có trả cho nguyên đơn số tiền 27.601.600 đồng nên còn nợ lại nguyên đơn số tiền 775.000.000 đồng.

Do Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nên ông H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền bán sắt phế liệu 775.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.601.600 đồng. Đối với việc bị đơn xin trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng và đợi công ty hoạt động ổn định sẽ trả dứt, nguyên đơn không đồng ý.

Tại đơn trình bày ngày 11/8/2025, Công ty Cổ phần T1 do ông Đặng Long P làm đại diện theo pháp luật cho rằng:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần T1 còn nợ ông Hà Minh H số tiền mua phế liệu 802.601.100 đồng. Công ty đã thanh toán cho ông H được 02 lần với số tiền là 27.601.100 đồng nên còn nợ lại ông H 775.000.000 đồng. Do Công ty đang gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh và chỉ mới hoạt động lại nên đề nghị được trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng. Khi Công ty đi vào hoạt động ổn định sẽ trả dứt điểm số nợ trên.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn do bà Trần Thị Kim T làm đại diện, bị đơn do ông Đặng Long P làm đại diện theo pháp luật có đơn xin xét xử vắng mặt, không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh H. Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho ông Hà Minh H số tiền 775.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh H đối với Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 27.601.600 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ông Hà Minh H khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần T1 trả nợ số tiền mua bán sắt phế liệu; ông H không có đăng ký kinh doanh nên là tranh chấp về dân sự. Đồng thời, Công ty Cổ phần T1 có nơi cư trú tại xã C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà Trần Thị Kim T, ông Đặng Long P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Hà Minh H về việc buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả số tiền mua sắt phế liệu chưa thanh toán là 775.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm kể từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.601.600 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 01/01/2025 đến ngày 15/5/2025, ông H có bán số sắt phế liệu cho Công ty Cổ phần T1 do ông Đặng Long P làm đại diện với tổng số tiền còn nợ 812.601.600 đồng. Ngày 15/5/2025, Công ty có trả cho ông H số tiền 10.000.000 đồng. Ngày 01/7/2025, Công ty có lập báo cáo chi tiết thể hiện còn nợ ông H số tiền 802.601.600 đồng nhưng không thanh toán mà xin trả dần mỗi tháng từ 10.000.000 đồng do Công ty mất khả năng thanh toán. Từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay, Công ty có trả cho nguyên đơn số tiền 27.601.600 đồng nên còn nợ lại nguyên đơn số tiền 775.000.000 đồng. Bị đơn Công ty Cổ phần T1 thừa nhận đến nay còn nợ lại ông H số tiền 775.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Từ những lời trình bày trên, có cơ sở xác định giữa ông Hà Minh H với Công ty Cổ phần T1 có xác lập hợp đồng mua bán sắt phế liệu với nhau, đến nay công ty chưa thanh toán tiền mua hàng cho ông H là 775.000.000 đồng.

Xét thấy, việc các bên xác lập hợp đồng mua bán trên cơ sở tự nguyện, mặc dù không thể hiện bằng văn bản nhưng được các bên đối chiếu qua tin nhắn Zalo, báo cáo chi tiết công nợ phải trả. Mặc khác, bị đơn cũng thừa nhận đang gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh nên chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên. Việc bị đơn không thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự. Việc bị đơn yêu cầu trả mỗi tháng 15.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, việc ông Hà Minh H yêu cầu Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả tiền mua hàng với tổng số tiền 775.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn có yêu cầu rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 27.601.600 đồng. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận đã thanh toán

cho nguyên đơn và chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 775.000.000 đồng nên việc nguyên đơn rút lại đối với số tiền 27.601.600 đồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này là phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ cho nguyên đơn làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm đối với số tiền 775.000.000 đồng kể từ ngày 01/7/2025 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Số tiền lãi được tính như sau: $775.000.000 \text{ đồng} \times 70 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 15.069.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 790.069.000 đồng.

[3] Về án phí:

Công ty Cổ phần T1 phải chịu số tiền 35.603.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp là 18.039.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 430 và 440 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh H.

Buộc Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho ông Hà Minh H số tiền 790.069.000 (bảy trăm chín mươi triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn) đồng. Trong đó, nợ vốn 775.000.000 (bảy trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và nợ lãi 15.069.000 (mười lăm triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh H đối với Công ty Cổ phần T1 có nghĩa vụ trả cho ông Hà Minh H số tiền 27.601.600 (hai mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ một nghìn, sáu trăm) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần T1 phải chịu số tiền 35.603.000 (ba mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hà Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.039.000 (mười tám triệu, không trăm ba mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu số 0016550 ngày 23/7/2025 do Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, An Giang cấp cho ông Hà Minh H.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11;
- Phòng THADS khu vực 11;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm